TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Số: 238/2020/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Nhà Bè, ngày 27 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 186/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thạch Thị Đan T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Thành N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn N và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/7/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Thạch Thị Đan T và ông Phạm Thành N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn N: Bà Thạch Thị Đan T và ông Phạm Thành N thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 152, quyển số 01/2010, cấp ngày 04/10/2010 tại Ủy ban N dân xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2.2. Về con chung: Có hai người con chung tên Phạm T Ngân, sinh ngày 20/10/2008 và Phạm T Sang, sinh ngày 24/10/2014. Hai bên thống nhất đồng ý giao con tên Phạm T Ngân cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con tên Phạm T Sang cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các bên không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá N, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn N và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Bà Thạch Thị Đan T và ông Phạm Thành N không yêu cầu Tòa giải quyết.

2.4. Nợ chung: Bà Thạch Thị Đan T và ông Phạm Thành N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị Đan T tự nguyện chịu án phí ly hôn là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0072626 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè. Hoàn trả cho bà T 150.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã P, huyện Nhà Bè;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Hữu Đức